

Số: 167/2020/QĐST-HNGĐ

Lấp Vò, ngày 06 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 268/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974, địa chỉ: số 402, ấp A, xã MB, huyện L, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1973; địa chỉ: số 402, ấp A, xã MB, huyện L, tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1944

2. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1951

Cùng địa chỉ: số 402, ấp A, xã MB, huyện L, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Y.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Y thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ và chị Y thống nhất giao con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 07/9/2007 cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, anh Nguyễn Văn Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và chị Y không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của anh Nguyễn Văn Đ.

2.3. Về tài sản chung: Đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí **anh Đực** đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2018/ 0002851, ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Anh Đ còn được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

Chị Nguyễn Thị Y không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho chị Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.100.000đ (Mười sáu triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2018/ 0009110 ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án huyện Lấp Vò.

2.6. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Y tự chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Số tiền này chị Y đã nộp và chi xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh;
- VKSND H.Lấp Vò;
- CCTHADS H.Lấp Vò;
- UBND **xã Mỹ An Hưng B**;
(Số: 182/2011)
- Lưu: VP- HS vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Văn Nội